TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHÀ BÈ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2019/DS-ST
Ngày: 16/7/2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hiền
Các hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Nguyễn Quốc Xuân
2/ Bà Trần Thị Bích Liên

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hoàng Thị Hoài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Dung - Kiểm sát viên

Trong ngày 16 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 200/2018/DSST ngày 20 tháng 6 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 298/2019/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 346/2019/QĐST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:
+ Ông Lê Hoàng D, sinh năm 1956;
+ Bà Võ Thị Hồng C, sinh năm 1959.
Cùng địa chỉ: X Đường Nguyễn Bình, Tổ 1, Ấp 1, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1995
Địa chỉ: Y Đường Nguyễn Bình, Tổ 1, Ấp 1, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh *(có mặt)*.

- Bị đơn: Ông Phạm Tấn Đ, sinh năm 1979
Địa chỉ: Z, Ấp 4, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Tp. HCM *(vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 07 tháng 6 năm 2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Phạm Thị T trình bày:

Trước đây ông D và bà C có mua đất của ông Phạm Tấn Đ, phía ông D bà C đã đưa ông Đ tổng cộng 260.000.000 đ nhưng không lập văn bản vì tin tưởng mối quan hệ bà con với nhau. Tuy nhiên việc mua bán đất sau đó không thành nhưng ông Đ vẫn chưa trả

lại số tiền đã nhận. Đến ngày 23/10/2016 ông Đ viết giấy xác nhận vay ông D 260.000.000 Đ và hứa trả vào ngày 23/3/2017 nhưng vẫn không thực hiện nên ông D bà C khởi kiện yêu cầu ông Đ phải trả số tiền 260.000.000 đ và lãi suất chậm thực thiện nghĩa vụ theo mức 10%/năm kể từ ngày 24/3/2017 cho đến khi Tòa án xét xử, trả làm một lần ngay sau khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện và không cung cấp thêm chứng cứ, tài liệu nào khác.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, ông Phạm Tấn Đ hoàn toàn không có mặt để trình bày ý kiến hay đưa ra yêu cầu của mình.

* Phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng:

Về hình thức, qua kiểm sát giải quyết vụ án thì từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng về phiên tòa sơ thẩm. Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình và tuân thủ nội quy phiên tòa. Việc xét xử vắng mặt bị đơn thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung, qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và qua phần hỏi, tranh luận tại phiên tòa hôm nay, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Phạm Tấn Đ phải thanh toán số tiền còn nợ 260.000.000 đồng, do đó, đây là tranh chấp về hợp Đ vay tài sản. Ông Phạm Tấn Đ cư trú tại huyện Nhà Bè nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Nhà Bè theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn hôm nay.

2. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét tờ giấy viết tay ngày 23/10/2016 do nguyên đơn cung cấp có nội dung *"Hôm nay 23/10/2016 tôi đứng tên Phạm Tấn Đ sinh năm 1979, ấp 4, Hiệp Phước. Con có mượn Lê Hoàng D sinh 1956, ngụ X Bình Trị Đông, phường 11, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh 260.000.000 đ hai trăm sáu mươi triệu Đ chẵn. Có hẹn với chú Lê Hoàng D tới ngày 23/3/2017 con sẽ trả lại cho chú Dũng"*.

Đây là chứng cứ duy nhất nguyên đơn cung cấp cho Tòa án thể hiện việc bị đơn có vay tiền. Chứng cứ này đã được Tòa án công bố công khai qua phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và hòa giải ngày 28/5/2019 nhưng bị đơn vắng mặt không lý do. Trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, ông Phạm Tấn Đ không có mặt, không đưa ra yêu cầu hay tài liệu chứng cứ gì để phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên

đơn. Như vậy có cơ sở xác định việc ông Đ vay số tiền 260.000.000 đ của ông D là có thật. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông D cho biết số tiền đưa ông Đ là tiền chung của vợ chồng. Bà C (vợ ông Dũng) cũng xác nhận nội dung này. Do đó việc cùng khởi kiện của ông D bà C đối với ông Đ về khoản vay này được chấp nhận.

Xét tờ giấy nợ nêu trên thể hiện đây là hợp Đ vay có kỳ hạn nhưng không có lãi suất. Theo quy định tại khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 thì *"trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả"*. Do đó kể từ ngày 24/3/2017 trở đi ông Đ còn phải chịu tiền lãi phát sinh do chậm trả số tiền đã vay của ông D bà Cúc.

Xét yêu cầu tính lãi 10%/năm, Hội Đ xét xử nhận thấy:

Theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội Đ Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì *"Hợp Đ vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì theo yêu cầu của bên cho vay, Tòa án xác định bên vay phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác. Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = (nợ gốc quá hạn chưa trả) x (lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ) x (thời gian chậm* trả nợ gốc)". Như vậy mức lãi 10%/năm mà phía nguyên đơn xác định là hoàn toàn phù hợp các căn cứ pháp luật nên được chấp nhận.

Tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ được tính từ ngày quá hạn trả nợ đến thời điểm xét xử (từ ngày 24/3/2017 đến ngày 16/7/2019) là 02 năm 03 tháng 22 ngày, cụ thể như sau:

260.000.000 Đ x (02 năm 03 tháng 22 ngày) x10%/năm = 60.157.000 đồng.

Về phương thức trả nợ: Do ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ kéo dài từ 24/3/2017 đến nay làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên Hội Đ xét xử chấp nhận yêu cầu trả ngay một lần toàn bộ số nợ nói trên cho nguyên đơn.

3. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 468, 470, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội Đ Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Buộc ông Phạm Tấn Đ có nghĩa vụ trả cho ông Lê Hoàng D và bà Võ Thị Hồng C số tiền còn nợ là 320.157.000 đ (ba trăm hai mươi triệu, một trăm năm mươi bảy ngàn đồng), trong đó:

- Nợ gốc là 260.000.000 đồng;

- Lãi là 60.157.000 đồng;

Trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Lê Hoàng D và bà Võ Thị Hồng C có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Phạm Tấn Đ chậm trả cho ông Lê Hoàng D và bà Võ Thị Hồng C số tiền nêu trên thì ông Phạm Tấn Đ phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2/ Về án phí:

- Ông Phạm Tấn Đ phải chịu án phí là 16.007.850 đ (mười sáu triệu, không trăm lẻ bảy ngàn, tám trăm năm mươi đồng).

- Hoàn lại cho nguyên đơn là ông Lê Hoàng D và bà Võ Thị Hồng C toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.150.000 Đ theo Biên lai thu số 0033033 ngày 20/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục T.H.A.DS huyện Nhà Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI Đ XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thu Hiền